

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

**ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
AN BÌNH**

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình là Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân (sau đây gọi tắt là Ngân hàng An Bình) được thực hiện hoạt động Ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo qui định của Pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các qui định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các qui định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Nội dung chỉnh sửa về tại Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng quyết định thông qua tại phiên họp ngày 24/3/2010.

MỤC I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG
ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:

- a. “Địa bàn kinh doanh”: là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước mà tại đó Ngân hàng An Bình được thiết lập địa điểm hoạt động theo qui định của pháp luật.
- b. “Vốn điều lệ”: là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ Ngân hàng An Bình.
- c. “Cổ tức”: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng An Bình sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- d. “Luật Doanh Nghiệp”: là Luật Doanh Nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- e. “Ngày thành lập”: là ngày mà Ngân hàng An Bình được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động.
- f. “Pháp luật”: là tất cả các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, qui định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động Ngân hàng.
- g. “Luật Các Tổ Chức Tín Dụng”: là Luật Các Tổ Chức Tín Dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 1997 và được sửa đổi, bổ sung ngày 15 tháng 06 năm 2004.
- h. “Vốn pháp định”: là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của luật pháp để thành lập Ngân hàng An Bình.
- i. “Cổ đông lớn”: là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng An Bình. (khoản 6 điều 20 LCTCTD)
- j. “Ban Điều Hành”: Bao gồm Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng An Bình được Hội

- đồng Quản trị bổ nhiệm làm Ban Điều Hành của Ngân hàng An Bình.
- k. “Người quản lý Ngân hàng”: bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ Ngân hàng An Bình quy định.
- l. “Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập”: là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại **Điều 43** Điều lệ này.
- m. “NHNN”: có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- n. “Cổ phần”: là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
- o. Cổ đông sở hữu cổ phần trọng yếu”: là cổ đông sở hữu mức cổ phần chiếm từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng An Bình.
- p. “Cổ phiếu”: là chứng chỉ do Ngân hàng An Bình phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu 01 (một) hoặc một số cổ phần của Ngân hàng An Bình. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là cổ phiếu ghi tên.
- q. “Cổ đông”: là người sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần đã phát hành của Ngân hàng An Bình.
- r. “Cổ đông sáng lập”: là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng An Bình.
- s. “Sổ đăng ký cổ đông”: là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo qui định của NHNN.
- t. “Người có liên quan”: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- t.1 Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; Ngân hàng với công ty trực thuộc của Ngân hàng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các công ty trực thuộc của cùng Ngân hàng với nhau;
- t.2 Công ty đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty đó hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
- t.3 Công ty đối với cá nhân sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên tại công ty đó và ngược lại;
- t.4 Những người có quan hệ thân thuộc với nhau, gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột;

t.5 Công ty đối với người có quan hệ thân thuộc (theo quy định tại Điểm 4 u.4 khoản này) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của công ty đó và ngược lại;

t.6 Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm t.1, t.2, t.3, t.4 và t.5 khoản này đối với người ủy quyền.

- u. “Thời hạn hoạt động”: là thời gian Ngân hàng An Bình được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng An Bình có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được NHNN chấp thuận.
- v. “Việt Nam”: có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

MỤC II
TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 2: Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động của Ngân hàng An Bình

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình, dưới đây được gọi là Ngân hàng An Bình, được phép hoạt động theo giấy phép thành lập và hoạt động số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 4 năm 1993 do Thống đốc NHNN cấp và có:

1. Tư cách pháp nhân theo qui định của Pháp luật Việt Nam.
2. Tên của Ngân hàng là:
Tên đầy đủ tiếng Việt : **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH**
Tên tắt tiếng Việt : **NGÂN HÀNG AN BÌNH**
Tên đầy đủ tiếng Anh : **AN BINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
Tên tắt tiếng Anh : **ABBANK**
3. Trụ sở chính đặt tại: 170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại : (84-8) 38 244 855
Fax : (84-8) 38 244 856
Email : info@abbank.vn
Trang web : www.abbank.vn
5. Vốn điều lệ: **3.482.512.960.000** đồng (ba ngàn bốn trăm tám mươi hai tỉ năm trăm mười hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).
6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các Ngân hàng trong nước theo qui định của NHNN.
7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo qui định của Pháp luật.
8. Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm.

MỤC III
MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH,
NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 3: Mục tiêu của Ngân hàng An Bình

1. Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng An Bình là: Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn, trung và dài hạn, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá, hùn vốn và liên doanh, làm dịch vụ thanh toán giữa các Ngân hàng; làm đại lý phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp và tổ chức phát hành; thực hiện nghiệp vụ thị trường mở; đấu thầu tại các trung tâm giao dịch chứng khoán; tiếp nhận ngoại tệ từ nước ngoài và chi trả kiều hối; kinh doanh và thu đổi ngoại tệ; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư bằng ngoại tệ từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài; thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; mở tài khoản vãng lai cho các cá nhân, tổ chức, mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài; cung cấp các dịch vụ thu hộ, chi hộ, kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh, chế tác và gia công vàng; phát hành thẻ thanh toán nội địa, thẻ tín dụng và xác nhận đăng ký các loại thẻ Ngân hàng cho tổ chức phát hành thẻ.
2. Mục tiêu của Ngân hàng An Bình là: Xây dựng một Ngân hàng phát triển bền vững nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng chất lượng cao cho khách hàng và tìm kiếm lợi nhuận cho các cổ đông; tạo uy tín, hình ảnh tốt, tính văn hóa, tính chuyên nghiệp của một định chế tài chính; đào tạo một đội ngũ chuyên gia và nhân viên Ngân hàng tinh thông nghiệp vụ, có tư cách đạo đức và thái độ phục vụ tận tụy; liên kết hỗ trợ với các Ngân hàng khác để cùng tăng uy tín, lành mạnh hóa hệ thống Ngân hàng cổ phần tại Việt Nam từ đó thiết lập chỗ đứng vững chắc trong thị trường nội địa để tăng sức cạnh tranh; góp phần vào việc xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hỗ trợ áp dụng kinh tế tri thức vào mọi lĩnh vực, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước và thúc đẩy kinh tế Việt Nam tăng trưởng.

Điều 4: Huy động vốn

Ngân hàng An Bình huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm VND đảm bảo giá trị theo giá USD, tiền gửi tiết kiệm VND đảm bảo giá trị theo giá vàng, chứng chỉ tiền gửi và các loại tiền gửi khác.
2. Huy động vốn có kỳ hạn bằng vàng của dân cư.
3. Phát hành trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận.
4. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.
5. Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức.
6. Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư bằng ngoại tệ từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

7. Vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.
8. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

Điều 5: Cung ứng dịch vụ ngoại hối

Ngân hàng An Bình đủ điều kiện cung ứng các dịch vụ ngoại hối sau:

1. Cung cấp các giao dịch hối đoái dưới hình thức giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền lựa chọn, hợp đồng tương lai và các giao dịch hối đoái khác theo thông lệ quốc tế.
2. Huy động vốn, cho vay và bảo lãnh bằng ngoại tệ dưới các hình thức theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
3. Phát hành, đại lý phát hành thẻ quốc tế.
4. Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán (trong nước và quốc tế); nhận và chi, trả ngoại tệ.
5. Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bằng ngoại tệ.
6. Ủy nhiệm cho tổ chức tín dụng khác và tổ chức kinh tế làm đại lý cung ứng một số dịch vụ ngoại hối, bao gồm dịch vụ đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ và các dịch vụ khác.
7. Cung cấp các dịch vụ uỷ thác và quản lý tài sản bằng ngoại hối.
8. Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư bằng ngoại hối (mua, bán, sáp nhập, bảo lãnh và làm đại lý phát hành chứng khoán ngoại tệ....).
9. Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối.
10. Thực hiện các hoạt động ngoại hối khác theo thông lệ quốc tế và phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Điều 6: Hoạt động tín dụng

Ngân hàng An Bình cấp tín dụng cho các tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay; bao thanh toán, thấu chi, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh các loại bao gồm cả phát hành thư tín dụng trả ngay, trả chậm và các hình thức bảo lãnh khác pháp luật không cấm và phù hợp với thông lệ quốc tế; cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của NHNN.

Điều 7: Các hình thức cho vay

1. Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

2. Tùy theo khả năng nguồn vốn và qui định của NHNN, cho vay trung hạn và dài hạn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

Điều 8: Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

1. Ngân hàng An Bình được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay; có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.
2. Ngân hàng An Bình có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của Pháp luật.
3. Ngân hàng An Bình được miễn, giảm lãi cho vay, phí Ngân hàng; gia hạn nợ; mua bán nợ theo quy định của NHNN.

Điều 9: Bảo lãnh và thực hiện hoạt động kinh doanh trái phiếu

1. Bảo lãnh Ngân hàng:

Ngân hàng An Bình được bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh Ngân hàng khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của NHNN.

2. Kinh doanh trái phiếu:

- a. Ngân hàng An Bình được mua, bán trái phiếu (trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp).
- b. Làm đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành và lưu ký trái phiếu (trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp).
- c. Ngân hàng An Bình được tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc và trái phiếu ngoại tệ tại Ngân hàng nhà nước.

Điều 10: Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác.

1. Ngân hàng An Bình được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác theo qui định pháp luật hiện hành. Người chủ sở hữu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác phải chuyển giao ngay mọi quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ các giấy tờ đó cho Ngân hàng An Bình.
2. Ngân hàng An Bình được cấp tín dụng dưới hình thức cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác theo qui định pháp luật hiện hành. Ngân hàng An Bình được thực hiện các

quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh trong trường hợp chủ sở hữu các giấy tờ đó không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng tín dụng.

3. Ngân hàng An Bình được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức tín dụng khác theo qui định pháp luật hiện hành.
4. Ngân hàng có thể được NHNN tái chiết khấu và cho vay trên cơ sở cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu theo qui định pháp luật hiện hành.

Điều 11: Công ty cho thuê tài chính

Ngân hàng An Bình phải thành lập Công ty cho thuê tài chính khi hoạt động cho thuê tài chính đối với tổ chức, cá nhân.

Điều 12: Tài khoản tiền gửi của Ngân hàng An Bình

1. Ngân hàng An Bình phải mở tài khoản tiền gửi tại NHNN TP Hồ Chí Minh và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN.
2. Chi nhánh của Ngân hàng An Bình mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của chi nhánh.
3. Ngân hàng An Bình mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo qui định của Pháp luật.
4. Ngân hàng An Bình được mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài.

Điều 13: Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1. Ngân hàng An Bình thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:
 - a. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
 - b. Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.
 - c. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế.
 - d. Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.
 - e. Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ.
 - f. Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.
2. Ngân hàng An Bình tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên Ngân hàng trong nước, tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế.

Điều 14: Các hoạt động khác

Ngân hàng An Bình thực hiện các hoạt động khác sau đây:

1. Dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác trong nước theo quy định của Pháp luật.

2. Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN. Thực hiện nghiệp vụ thị trường mở.
3. Được quyền ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động Ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.
4. Được quyền thành lập công ty quản lý nợ và khai thác tài sản theo quy định pháp luật.
5. Cung ứng dịch vụ bảo hiểm; đại lý bảo hiểm; được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Pháp luật.
6. Cung ứng các dịch vụ:
 - a. Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của Pháp luật.
 - b. Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, nhận cầm cố và các dịch vụ khác theo quy định của Pháp luật.
7. Thành lập các công ty trực thuộc để thực hiện kinh doanh có liên quan đến hoạt động Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.
8. Đấu thầu tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.
9. Tiếp nhận ngoại tệ từ nước ngoài và chi trả kiều hối.
10. Kinh doanh và thu đổi ngoại tệ.
11. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ.
12. Kinh doanh, chế tác và gia công vàng.
13. Phát hành thẻ thanh toán và thẻ ghi nợ nội địa, xác nhận đăng ký các loại thẻ Ngân hàng cho tổ chức phát hành thẻ.

Điều 15: Bất động sản

Ngân hàng An Bình không được phép trực tiếp kinh doanh bất động sản.

Điều 16: Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng An Bình phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Mục V, Chương III của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản “Có” và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo qui định của Pháp luật hiện hành.

MỤC IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 17: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Ngân hàng An Bình phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Pháp luật.
3. Ngân hàng An Bình không được sử dụng vốn điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các cổ đông của chính Ngân hàng.
4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỉ lệ qui định của NHNN.
 - b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN.
 - c. Thành lập công ty trực thuộc theo quy định của Pháp luật.
 - d. Cho vay.
 - e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 18: Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo qui định của NHNN.
3. Sau khi đã thay đổi mức vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của NHNN, Ngân hàng An Bình phải đăng ký với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan Công chứng Nhà Nước) cho NHNN và phải đăng báo Trung ương, địa phương theo quy định của Pháp luật về số vốn điều lệ mới.
4. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà Nước và Điều lệ của Ngân hàng An Bình.

Điều 19: Tăng vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được tăng từ các nguồn sau:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; Lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - c. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

- d. Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm;
- e. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật. (Điều 24 thông tư 06)

2. Điều kiện để được tăng vốn điều lệ:

- a. Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ.
- b. Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó phải nêu được tối thiểu các nội dung sau đây:
 - Nhu cầu thay đổi mức vốn điều lệ (nêu rõ việc sử dụng vốn đối với mỗi nhu cầu tương ứng);
 - Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh sau khi thay đổi vốn điều lệ, trong đó nêu rõ các chỉ tiêu, gồm: mức (số tuyệt đối và tỷ trọng) tăng trưởng tổng tài sản, tín dụng, huy động tiền gửi của khách hàng; tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA);
 - Kế hoạch tăng vốn điều lệ phải nêu được tối thiểu các nội dung sau đây:
 - (i) Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm; Các nguồn dùng để tăng vốn điều lệ;
 - (ii) Trường hợp tăng vốn từ nguồn chào bán cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ:
 - Các đợt dự kiến phát hành trong năm;
 - Phương án phát hành cho từng đợt, bao gồm các nội dung: loại cổ phần phát hành, các loại đối tượng được mua; giá chào bán cho từng loại đối tượng (trường hợp chưa xác định được thì ghi là chưa xác định, nhưng giá chào bán cổ phần phải phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), thời điểm phát hành, và các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng loại đối tượng (nếu có);
 - (iii) Trường hợp tăng vốn từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông:
 - Các thông tin về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, bao gồm: tổng giá trị trái phiếu phát hành, các đợt phát hành, kỳ hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, đối tượng phát hành, kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;
 - Các thông tin về đề nghị chuyển đổi trái phiếu, bao gồm: tổng giá trị trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu tại các kỳ trước và thời điểm chuyển đổi (nếu có), tổng giá trị trái phiếu được đề nghị chuyển đổi kỳ này, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm chuyển đổi.
 - (iv) Dự kiến thay đổi về cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng sau mỗi đợt thay đổi mức vốn điều lệ (nếu có). (Điều 26 thông tư 06)

Điều 20: Giảm vốn điều lệ

1. Việc mua lại cổ phần của chính Ngân hàng An Bình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nếu dẫn đến giảm vốn điều lệ.
2. Điều kiện để Ngân hàng được mua lại cổ phần:
 - a. Các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/07/2009 và Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Kinh doanh liên tục có lãi trong hai năm liền kề năm đề nghị mua lại cổ phần và không có lỗ lũy kế;
 - c. Không bị Ngân hàng Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động Ngân hàng trong 02 (hai) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mua lại cổ phần.
3. Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động Ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng.

Điều 21: Vốn hoạt động của Ngân hàng An Bình gồm các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình;
2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỉ giá;
3. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;
4. Vốn huy động theo các hình thức qui định tại Điều 4 của Điều lệ này;
5. Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ;
6. Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao; vốn tài trợ và ủy thác của các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác.
7. Các loại vốn khác theo qui định của Pháp luật.

Điều 22: Những quy trình, chính sách cần thiết trong quá trình hoạt động

Để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động Ngân hàng, Ngân hàng An Bình cần phải xây dựng và triển khai các quy trình, chính sách sau đây:

1. Quy trình quản lý hoạt động đầu tư, mua lại và kiểm soát các khoản đầu tư lớn;
2. Quy trình cấp tín dụng nhằm duy trì hệ thống quản trị tín dụng phù hợp;
3. Duy trì hệ thống thông tin hỗ trợ cho quy trình kiểm soát những khoản vay lớn;

4. Thiết lập và tuân thủ các chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro;
5. Chính sách đánh giá chất lượng tài sản Có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;
6. Chính sách và quy trình đầy đủ để nhận biết, giám sát và quản lý rủi ro quốc gia và rủi ro chuyển đổi trong hoạt động cho vay và đầu tư quốc tế (đối với những Ngân hàng có hoạt động cho vay và đầu tư nước ngoài);
7. Hệ thống cho phép đo lường, giám sát và kiểm soát toàn diện rủi ro;
8. Chính sách quản lý thanh khoản, trong đó trình bày rõ các thủ tục và các giới hạn quản lý thanh khoản;
9. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của Ngân hàng;
10. Chính sách và thủ tục phù hợp, bao gồm cả nguyên tắc “Nhận biết khách hàng” để đảm bảo các chuẩn mực về đạo đức và chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngăn ngừa việc Ngân hàng bị sử dụng cho các mục đích tội phạm dù vô tình hay hữu ý;
11. Các quy trình, chính sách khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng An Bình và thông lệ quốc tế.

MỤC V
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 23: Cổ phần, Cổ đông

1. Ngân hàng An Bình phải có ít nhất 100 (một trăm) cổ đông. Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của Ngân hàng An Bình khi được NHNN cho phép.
2. Các loại cổ phần, cổ đông:
Cổ phần của Ngân hàng An Bình là cổ phần phổ thông ghi danh. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
3. Cổ phần, trái phiếu của Ngân hàng An Bình được mua bằng tiền Việt Nam và phải thanh toán đủ 01 (một) lần.
4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng An Bình và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo qui định tại Điều 29, Điều 30 Luật Doanh Nghiệp và các qui định của Pháp luật có liên quan.
5. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định giá chào bán cổ phần theo qui định của pháp luật. Trường hợp giá chào bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần thì phải được quyết nghị thông qua của Đại hội đồng cổ đông, phần chênh lệch được hạch toán vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Mệnh giá cổ phần của Ngân hàng An Bình là 10.000 đồng (mười ngàn đồng) một cổ phần. Sau khi Ngân hàng An Bình đăng ký kinh doanh bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán trước cho các cổ đông theo tỉ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm ngày) chấp nhận chào bán. Bất kỳ cổ phần nào không được chấp nhận theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 24: Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông cá nhân được sở hữu tối đa 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình.
2. Một cổ đông là tổ chức được sở hữu tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình.
3. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình.
4. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước quyết định mức sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này trên cơ sở lợi ích quốc gia.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Ngân hàng thương mại Việt Nam.
6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

Điều 25: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là chứng chỉ do Ngân hàng An Bình phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu 01 (một) hoặc một số cổ phần của Ngân hàng An Bình. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu Ngân hàng An Bình phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (khoản 1, điều 85 luật doanh nghiệp)
 - a. Tên, trụ sở chính của Ngân hàng An Bình;
 - b. Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e. Tên cổ đông;
 - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
 - g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Ngân hàng An Bình;
 - h. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu.
2. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng An Bình cấp cổ phiếu để ghi nhận số vốn góp.
3. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.
4. Theo các qui định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo qui định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng Quản trị về việc chuyển nhượng). Các cổ phần do thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, các cổ đông lớn và cổ đông nước ngoài sở hữu phải được đăng ký.
5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và 01 (một) cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
6. Ngân hàng An Bình có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, cháy, hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải có đơn báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo qui định của Ngân hàng An Bình.
7. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình phát hành không được sử dụng để cầm cố tại chính Ngân hàng An Bình.

8. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Ngân hàng An Bình đăng ký với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới, Ngân hàng An Bình phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.

Điều 26: Chuyển nhượng cổ phần

Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 87 Luật Doanh nghiệp.

1. Cổ phần của cổ đông được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin qui định trong Điều 25 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Ngân hàng phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:
 - a. Các giao dịch mua bán mức cổ phần trọng yếu;
 - b. Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu trở thành không sở hữu cổ phần trọng yếu và ngược lại.
4. Cổ đông cá nhân, cổ đông pháp nhân có người đại diện vốn góp là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc trong thời gian đảm nhiệm chức danh và trong thời gian 01(một) năm, kể từ thời điểm không đảm nhiệm chức danh, được chuyển nhượng cổ phần nhưng phải giữ lại tối thiểu 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần mà mình sở hữu vào thời điểm được Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trước khi thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần tối thiểu 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với số cổ phần được phép chuyển nhượng.
5. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:
 - a. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
 - b. Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án.
6. Việc chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng An Bình khi đã niêm yết được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

MỤC VI
CƠ CẤU VÀ
CƠ CHẾ THAM GIA QUYẾT ĐỊNH

Điều 27: Cơ cấu

Cơ cấu của Ngân hàng An Bình bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám Đốc và bộ máy giúp việc.

MỤC VII CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28: Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng An Bình. Định kỳ 06 tháng/lần (sáu tháng một lần) Ngân hàng An Bình phải có báo cáo bằng văn bản cho NHNN TP Hồ Chí Minh biết nếu có sự thay đổi một trong những nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.
3. Xác lập danh sách cổ đông:
 - a. Ngân hàng quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ đông mà mình sở hữu với Ngân hàng trước thời điểm nói trên;
 - b. Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông.
4. Các nội dung khác có liên quan đến Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp.

Điều 29: Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng An Bình theo quy định tại Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/07/2009 và Điều lệ Ngân hàng An Bình;

- c. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý và không được nhân danh người ủy quyền bỏ phiếu cho chính mình.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, có các quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;
4. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.
5. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Doanh nghiệp.
6. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Doanh nghiệp.

Điều 30: Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông của Ngân hàng An Bình phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - a. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng;
 - b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
 - c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại Ngân hàng;
 - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 80 Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.

Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng An Bình;

- c. Thông qua Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này;
 - e. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng An Bình và cổ đông của Ngân hàng An Bình;
 - g. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - h. Quyết định việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định pháp luật và điều lệ Ngân hàng An Bình;
 - i. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - j. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận;
 - k. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
 - l. Quyết định các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn các Luật này với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
 - m. Quyết định thành lập công ty trực thuộc;
 - n. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng;
 - o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng An Bình.
2. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông.
 3. Các nội dung khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp.

Điều 32: Hợp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật Doanh nghiệp.

3. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật Doanh nghiệp.
4. Mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Doanh nghiệp.
5. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật Doanh nghiệp.
6. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 102 Luật Doanh nghiệp.
7. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp.

Điều 33: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 6 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm a, b, d, e, g, i, k, l, m, o khoản 1 Điều 31 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:
 - a. Các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, đối với một số vấn đề sau:
 - Quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;
 - Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng;
 - Quyết định về số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
4. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 34: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 106 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng An Bình đặt trụ sở chính.

Điều 35: Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 107 Luật Doanh nghiệp.

MỤC VIII
ĐIỀU KHOẢN CHUNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36: Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng An Bình, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37: Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng An Bình.

Điều 38: Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám Đốc hoặc thuê Tổng Giám Đốc. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng An Bình, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng An Bình.

Điều 39: Bầu, bổ nhiệm các chức danh

Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng An Bình phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y. Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng nhà nước danh sách những người được bổ nhiệm kèm sơ yếu lý lịch của những người này.

Điều 40: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình:
 - a. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;
 - c. Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% (một trăm phần trăm) vốn sở hữu Nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp khác;
 - e. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- f. Bố mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc không được là Kế toán trưởng của Ngân hàng An Bình.
2. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, ~~thành viên~~ Ban Kiểm soát hoặc làm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc của Ngân hàng An Bình:
- a. Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám Đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - c. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - d. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng theo quy định tại Điều 25 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/07/2009 hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - e. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng.

Điều 41: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình:
- a. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình;
 - b. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng Quản trị mà mình đang là thành viên hoặc tổ chức đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình;
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng An Bình; không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình.
2. Thành viên Ban Kiểm soát:
- a. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng An Bình hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình;
 - b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Ngân hàng An Bình;
 - c. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.

3. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc không được đồng thời là người điều hành hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình; không được đồng thời tham gia điều hành tại doanh nghiệp khác.

Điều 42: Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này.
 - b. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 48 và Điều 50 Điều lệ này;
 - c. Hiểu biết về hoạt động Ngân hàng:
 - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế hoặc luật; hoặc
 - Có ít nhất 03 (ba) năm làm người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán; hoặc
 - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số vốn cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Ngân hàng, và có chứng chỉ xác nhận đã qua chương trình đào tạo về Ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền hoặc có ít nhất 01 (một) năm làm việc trong ngành Ngân hàng;
 - d. Đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các điểm a, b và c khoản này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 43 điều lệ này.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng An Bình:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này;
 - b. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 48 và Điều 50 Điều lệ này;
 - c. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính Ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng An Bình;
 - e. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám Đốc Ngân hàng An Bình:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này;
 - b. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 48 và Điều 50 Điều lệ này;
 - c. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:
 - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành tài chính Ngân hàng và có ít nhất 03 (ba) năm làm Tổng Giám Đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám Đốc, (Phó giám đốc), Giám đốc đơn vị trực thuộc (chi nhánh, sở giao dịch, công ty trực thuộc) của Ngân hàng An Bình; hoặc

- Có bằng Đại học hoặc trên đại học về các ngành không phải ngành tài chính Ngân hàng và có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng Giám Đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám Đốc (Phó giám đốc), Giám đốc đơn vị trực thuộc (chi nhánh, sở giao dịch, công ty trực thuộc) của Ngân hàng An Bình.
- d. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình:
- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 40 Điều lệ này; đối với Phó Tổng Giám Đốc không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này.
 - b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:
 - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc
 - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính Ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.
 - c. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
5. Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng An Bình phải được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y.
6. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 43: Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng An Bình hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình hoặc đã làm việc cho Ngân hàng An Bình hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người đang hưởng lương và thù lao, phụ cấp khác của Ngân hàng An Bình ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đó không thuộc một trong các trường hợp sau: sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đối với Ngân hàng thương mại cổ phần; là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng vào thời điểm hiện tại hoặc bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.
4. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó; không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng An Bình.
5. Không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng An Bình.

Điều 44: Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc:
 - a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b. Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này;
 - c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt;
 - d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - e. Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - g. Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y các chức danh của nhiệm kỳ mới có hiệu lực;
 - h. Hợp đồng thuê Tổng Giám Đốc hết hiệu lực.
2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và h khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng An Bình sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 45: Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc Ngân hàng An Bình bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
 - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
 - c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị (đối với thành viên Hội đồng Quản trị) trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại **Điều 48** và **Điều 50** điều lệ này

- f. Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
 - g. Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Ngân hàng An Bình quy định đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát;
 - h. Vi phạm quy định của Pháp luật, của Ngân hàng Nhà Nước và Điều lệ Ngân hàng An Bình về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
 - i. Vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật, của Ngân hàng Nhà Nước và Điều lệ Ngân hàng An Bình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - j. Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và có ghi trong Điều lệ này.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
 3. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng An Bình.
 4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 46: Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. Trường hợp Ngân hàng An Bình bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc nếu xét thấy cần thiết.
2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc Ngân hàng An Bình vi phạm quy định tại Điều 41 Điều lệ này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng An Bình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này nếu xét thấy cần thiết.
3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng An Bình có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.
4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 47: Yêu cầu về chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm

- a. Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng phải được Thống đốc Ngân

hàng nhà nước chuẩn y (trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm). Ngân hàng Nhà nước quy định về thủ tục, hồ sơ đề nghị chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm các chức danh này.

- b. Ngân hàng An Bình quy định và tự chịu trách nhiệm về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc và thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bổ nhiệm kèm sơ yếu lý lịch của những người này.

Điều 48: Công khai các lợi ích có liên quan

Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

MỤC IX
CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU
HÀNH

Điều 49: Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc và thành viên Ban Điều Hành

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc và các thành viên Ban Điều Hành có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng An Bình phù hợp qui định của Pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng An Bình với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 50: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng An Bình

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của Ngân hàng.
2. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng An Bình; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận.
4. Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.
5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng An Bình.
6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại điểm t, khoản 1, Điều 1 Điều lệ này vay vốn Ngân hàng An Bình với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng An Bình.
7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng An Bình bị lỗ.
8. Các hợp đồng giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới các luật này) của Ngân hàng An Bình với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo qui định sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng An Bình (theo qui định của NHNN) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch

được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý. (khoản 2, điều 41 nghị định 59)

- b. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng An Bình (theo qui định của NHNN) thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.
9. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo qui định tại khoản 8 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo qui định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng An Bình phải có trách nhiệm bồi thường.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc và các thành viên khác của Ban Điều Hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng An Bình hay của các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có những thông tin đó.

Điều 51: Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc và các thành viên khác của Ban Điều Hành phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các qui định pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và các qui chế nội bộ của Ngân hàng An Bình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.
2. Bồi thường: Ngân hàng An Bình sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng An Bình mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các qui định của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng An Bình và các qui chế của Ngân hàng An Bình. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

MỤC X HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 52: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị với số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng Quản trị.
4. Số thành viên Hội đồng Quản trị chưa có bằng Đại học không vượt quá 1/4 (một phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo qui định pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng An Bình. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo qui định của NHNN. Kết quả bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình phải được NHNN Việt Nam chuẩn y. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ngân hàng An Bình phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình không được phép tham gia Hội đồng Quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình.
8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời là Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng An Bình. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
9. Trường hợp có cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng An Bình.
 - b. Không làm thành viên Hội đồng Quản trị quá 2 (hai) tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

c. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình.

Điều 53: Cơ cấu tổ chức của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải thành lập tối thiểu hai Ủy ban theo quy định tại khoản **khoản 9 Điều 16 Nghị định 59/2009/NĐ-CP** ngày 16/07/2009, gồm Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự.
2. Mỗi Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Chủ nhiệm và các thành viên của Ủy ban. Một thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình có thể là thành viên của một hoặc một số Ủy ban. Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro phải có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
3. Chủ nhiệm các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm và các thành viên của Ủy ban theo quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình.
4. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ủy ban có thể bao gồm một hoặc một số thành viên không phải là thành viên Hội đồng Quản trị (như chuyên gia tư vấn độc lập, cán bộ tại các bộ phận chuyên môn của Ngân hàng hoặc các trường hợp khác do Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định).
5. Hội đồng Quản trị phải ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi ban hành, Hội đồng Quản trị gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) để báo cáo.

Điều 54: Cơ chế làm việc của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

1. Các Ủy ban là cơ quan giúp việc cho Hội đồng Quản trị, có vai trò tham mưu cho Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị phân công (nếu có).
2. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ chế làm việc của các Ủy ban, tối thiểu gồm các vấn đề sau đây:
 - Các kỳ họp định kỳ của Ủy ban;
 - Việc họp bất thường của Ủy ban;
 - Việc đưa ra quyết định của Ủy ban;
 - Cơ chế phán quyết của Hội đồng Quản trị đối với các ý kiến đề xuất của Ủy ban.

Điều 55: Nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban. Quy định này tối thiểu bao gồm các nội dung: việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, số lượng thành viên cụ thể của từng Ủy ban, trách nhiệm của từng thành viên trong Ủy ban. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự bao gồm tối thiểu những nội dung nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.
2. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro:

- a. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng An Bình.
 - b. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng An Bình trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
 - c. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng An Bình để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
 - d. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.
3. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban về vấn đề nhân sự:
- a. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng Quản trị, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng An Bình.
 - b. Tham mưu cho Hội đồng Quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành Ngân hàng An Bình theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng An Bình.
 - c. Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng An Bình.

Điều 56: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng An Bình.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, bộ phận Kiểm toán Nội bộ, sở giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Quyết định việc mở Sở Giao dịch, chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị, các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc Sở Giao dịch, Chi nhánh, Công ty trực thuộc, Đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

8. Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng An Bình trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động Ngân hàng An Bình, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm m khoản 2 Điều 41 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/07/2009.
9. Quyết định các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới các Luật này với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng hoặc một tỷ lệ cụ thể khác nhỏ hơn do Điều lệ Ngân hàng quy định. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
11. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận Kiểm toán Nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám Đốc.
13. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại Hội đồng cổ đông.
14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
15. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
17. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
18. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
21. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.
22. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
23. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
25. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.

27. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng An Bình.

Điều 57: Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng An Bình. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo cơ chế ủy quyền nội bộ do Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quy định để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ phạm vi đại diện theo ủy quyền, thời hạn đại diện. Người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện.
- b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác đang cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình:
 - a. Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
 - c. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - d. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
 - e. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
- c. Thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị, quản trị Ngân hàng An Bình theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
 - b. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng An Bình.
 - c. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
 - d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - e. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng An Bình.
 - f. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng An Bình.
 - g. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình.
 - h. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

- i. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
- j. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng An Bình.
- k. Các thành viên Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và những thành viên này không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Điều 58: Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 125 Luật Doanh nghiệp.

Điều 59: Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Điều lệ này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu xử lý, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Sau khi Ngân hàng An Bình bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới theo quy định tại Điều này, Hội đồng Quản trị có văn bản đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) chuẩn y chức danh này, kèm theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 60: Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát

- a. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng Quản trị phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (trường hợp chưa bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc chưa đủ ít nhất 02 thành viên theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
- b. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.
- c. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
- d. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng Quản trị có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận Danh sách này.
- e. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận tại khoản 3 Điều này. Ngân hàng An Bình có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
- f. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm. (Điều 11 thông tư 06)

Điều 61: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.
2. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.
3. Ngân hàng quy định trong Quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
4. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có

quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01(một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.
6. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.
7. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:
 - a. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 113 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
 - c. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
 - b. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.
 - c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
 - Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
 - e. Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
- f. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- g. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- h. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
- i. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
9. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

Điều 62: Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng Quản trị có các nhân viên giúp việc và Ban tư vấn chuyên trách, nếu cần. Hội đồng Quản trị quy định số lượng và nhiệm vụ của từng thành viên giúp việc.
3. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có 02 Ủy ban là: Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự. (khoản 9, điều 16 nghị định 59)
4. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị qui định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa Thư ký và Ngân hàng An Bình. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng Thư ký, chức năng, nhiệm vụ của Thư ký bao gồm:
 - a. Thông báo việc triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hay của Ban Kiểm soát;
 - b. Ghi biên bản cuộc họp;

- c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- d. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và cổ đông.

MỤC XI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 63: Tổng Giám Đốc

1. Điều hành hoạt động Ngân hàng An Bình là Tổng Giám Đốc, giúp việc Tổng Giám Đốc có một số Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01(một) trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám Đốc hoặc thuê Tổng Giám Đốc. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ này. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại báo cáo năm của Ngân hàng An Bình.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm. Tổng Giám Đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám Đốc được thực hiện theo Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, qui định của NHNN, và điều lệ này.
4. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám Đốc.

Điều 64: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc

1. Hội đồng Quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc sau khi đã được Chi nhánh Ngân hàng Nhà Nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng An Bình đặt trụ sở chính có văn bản chấp thuận. Trình tự thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc được thực hiện theo qui định của NHNN.
2. Tổng Giám Đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám Đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám Đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng Giám Đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám Đốc thì trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám Đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách. Hội đồng Quản trị phải cử ngay một Phó Tổng Giám Đốc hoặc 01(một) Giám Đốc Khối (trường hợp không có Phó Tổng Giám Đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 40 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám Đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Ngân hàng Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh. Người được cử điều hành Ngân hàng phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.
4. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Tổng Giám Đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám Đốc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc Hội đồng Quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng Giám Đốc, Hội đồng Quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới trình Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước chuẩn y.

5. Trường hợp Tổng Giám Đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật, của Ngân hàng Nhà Nước và Điều lệ Ngân hàng An Bình, Hội đồng Quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám Đốc, đồng thời phải cử ngay 01(một) Phó Tổng Giám Đốc hoặc 01(một) Giám Đốc Khôi (trường hợp không có Phó Tổng Giám Đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 40 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám Đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám Đốc, gửi Ngân hàng Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định hiện hành.
6. Trong thời gian Tổng Giám Đốc chưa được Ngân hàng Nhà Nước chuẩn y, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Ngân hàng An Bình.

Điều 65: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- a. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.
- b. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
- c. Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
- d. Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- e. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị để giải quyết tiếp.
- f. Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
- g. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại điều lệ này và quy định pháp luật.

MỤC XII

BAN KIỂM SOÁT

Điều 66: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng An Bình nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng.
2. Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình có tối thiểu 3 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách.
3. Thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách là thành viên Ban Kiểm Soát làm việc thường trực giữa các kỳ họp của Ban Kiểm Soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban kiểm soát phân công. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác. Ban Kiểm Soát quy định cụ thể cơ chế làm việc và nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát chuyên trách.
4. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc và được sử dụng bộ phận Kiểm toán Nội bộ của Ngân hàng An Bình để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
5. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ này hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ngân hàng phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 67: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

- a. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng An Bình trong quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- b. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
- c. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận Kiểm toán Nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng An Bình, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng An Bình khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại **khoản 3 Điều 29** Điều lệ này. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Ngân hàng theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng An Bình và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu cổ phần trọng yếu của Ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.
7. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
8. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật và Điều lệ này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng An Bình.
9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng An Bình.

Điều 68: Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.
 - b. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
 - c. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
 - d. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
 - e. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình.
 - f. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
 - g. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
 - h. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
 - i. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng An Bình.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.
 - c. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
 - d. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.
 - e. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng An Bình cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
 - f. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
 - g. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.
 - h. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.
 - i. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - j. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng An Bình.
3. Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát không phải là cổ đông được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các thành viên Ban Kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (lương hoặc thù lao và các chi phí quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban Kiểm soát và số phí công vụ mà mỗi thành viên Ban Kiểm soát đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong báo cáo hàng năm của Ngân hàng An Bình.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám Đốc và các thành viên của Ban Điều Hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng An Bình theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và Thư ký phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.

Điều 69: Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo qui định tại **Điều 44 và Điều 45** của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo qui định của NHNN.
2. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có

trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát. (khoản 2 điều 20 thông tư 06). Trường hợp không có thành viên Ban Kiểm soát là cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát còn lại cử 01(một) thành viên đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban Kiểm soát và đề nghị Hội đồng Quản trị trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng An Bình thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban Kiểm soát.

3. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban Kiểm soát còn lại không phải là cổ đông, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban Kiểm soát), Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định số thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Ngân hàng An Bình và bầu thành viên Ban Kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng An Bình, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban Kiểm soát.
4. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thay thế.
5. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
6. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng An Bình thì trong thời hạn không quá 60(sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
7. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 70: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường: Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Trưởng Ban kiểm soát;
 - d. Ít nhất 2 (hai) thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Tổng Giám Đốc;
 - f. Giám đốc Ngân hàng Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e, f của khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau 02 (hai) lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN TP. Hồ Chí Minh và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu 01 (một) thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, trình NHNN chuẩn y theo đúng qui định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Trụ sở Ngân hàng An Bình.
5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau 2 (hai) lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.
7. Biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.
 - b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính và số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

- d. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong **khoản 8 Điều 50** của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới 01 (một) hợp đồng, một thỏa thuận hay 01 (một) hợp đồng dự kiến hay một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng An Bình phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị gần nhất và cuộc họp Ban Kiểm soát gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
 9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
 10. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
 11. Biên bản: Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Kiểm soát. Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp cho các thành viên Ban Kiểm soát và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

MỤC XIII
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 71: Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng An Bình

1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng An Bình bao gồm các thành phần sau:
 - a. Trụ sở chính;
 - b. Sở giao dịch, các chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp, các công ty con trực thuộc, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, máy giao dịch tự động và điểm giao dịch (quy định về mạng lưới hoạt động 13/2008/QĐ-NHNN)
 - c. Các phòng giao dịch, điểm giao dịch (tổ tín dụng).
2. Ngân hàng An Bình được mở Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, được thành lập đơn vị sự nghiệp, Công ty trực thuộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Ngân hàng được thành lập Công ty trực thuộc để hoạt động trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, bảo hiểm, quản lý, khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.
3. Ngân hàng An Bình được thành lập Công ty trực thuộc để hoạt động trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, bảo hiểm, quản lý, khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Điều 72: Cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính

Trụ sở chính bao gồm các cơ chế chính sau:

1. Hội đồng Quản trị;
2. Ban Kiểm soát;
3. Tổng Giám Đốc và bộ máy giúp việc Tổng Giám Đốc

Điều 73: Bộ máy giúp việc Tổng Giám Đốc

1. Các Phó Tổng Giám Đốc;
2. Kế toán trưởng;
3. Các đơn vị trực thuộc Ban Điều Hành

MỤC XIV
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ
HỒ SƠ NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 74: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông lớn được quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng An Bình và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của Ngân hàng An Bình và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc và các thành viên Ban Điều Hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng An Bình, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng An Bình vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng An Bình phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của nó, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các qui chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo qui định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu giữ các giấy tờ này.
4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được 01(một) bản sao Điều lệ này miễn phí. Nếu Ngân hàng An Bình có một trang web, Điều lệ sẽ được công bố trên trang web này.

MỤC XV
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 75: Người lao động và công đoàn

Tổng Giám Đốc sẽ phải xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng An Bình cũng như quan hệ của Ngân hàng An Bình với tổ chức Công đoàn, để báo cáo Hội đồng Quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

MỤC XVI PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 76: Cổ tức

1. Việc trả cổ tức của Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Doanh nghiệp.
2. Ngân hàng An Bình không được trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của cổ đông tại Ngân hàng An Bình.
3. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới 01(một) cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và trả vào tài khoản của cổ đông mở tại ABBANK, trường hợp trả vào tài khoản của cổ đông tại Ngân hàng khác, cổ đông phải chịu chi phí chuyển tiền. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản Ngân hàng khi Ngân hàng An Bình đã được cung cấp chi tiết về Ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng An Bình thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng An Bình sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng An Bình chuyển bằng chuyển khoản Ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng An Bình đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về Ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp.
4. Những người đã chính thức đăng ký giữ cổ phiếu hoặc các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, tiền lãi, khoản chia, thông báo hoặc tài liệu.
5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng An Bình.

MỤC XVII
HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 77: Hệ thống Kiểm toán nội bộ

Ngân hàng An Bình sẽ thiết lập một hệ thống kiểm toán nội bộ như sau:

1. Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng An Bình được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Căn cứ quy mô, mức độ và đặc điểm hoạt động của Ngân hàng An Bình và trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị quyết định về tổ chức bộ máy của Kiểm toán Nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác Kiểm toán Nội bộ.
3. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ độc lập với các đơn vị, các bộ phận điều hành, tác nghiệp của Ngân hàng An Bình và được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra, kiểm toán.
4. Các quy định khác về bộ phận Kiểm toán Nội bộ của Ngân hàng An Bình không được quy định trong Điều lệ này được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

Điều 78: Tiêu chuẩn đối với người làm công tác Kiểm toán Nội bộ .

1. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan;
 - b. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật, về quản trị kinh doanh và các nghiệp vụ Ngân hàng;
 - c. Có bằng cử nhân các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện Kiểm toán Nội bộ;
 - d. Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin;
 - e. Có kiến thức, kỹ năng về Kiểm toán Nội bộ;
 - f. Các tiêu chuẩn khác do tổ chức tín dụng quy định.
2. Ngoài các điều kiện tiêu chuẩn nói trên, Trưởng Kiểm toán Nội bộ và Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ tối thiểu phải có bằng cử nhân thuộc các chuyên ngành Ngân hàng, kinh tế, tài chính và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Ngân hàng tối thiểu là 03 (ba) năm.

Điều 79: Nhiệm vụ của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ

1. Lập kế hoạch Kiểm toán Nội bộ hàng năm và thực hiện các hoạt động Kiểm toán Nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục Kiểm toán Nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
2. Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của Ngân hàng An Bình (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng An Bình. Đối với tất cả những vấn đề có thể có

ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hàng An Bình, Kiểm toán Nội bộ cần thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động của tổ chức tín dụng và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này.

3. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, nội bộ.
4. Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.
5. Lập báo cáo kiểm toán; thông báo và đệ trình kịp thời các kết quả Kiểm toán Nội bộ cho các bên hữu quan trong và ngoài Ngân hàng An Bình theo đúng các chính sách, quy trình, quy định của Ngân hàng An Bình và pháp luật.
6. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp Kiểm toán Nội bộ và phạm vi hoạt động của Kiểm toán Nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động Ngân hàng.
7. Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác Kiểm toán Nội bộ.
8. Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo một cách liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.
9. Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán Nội bộ.
10. Tư vấn cho Người điều hành, Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành; quy trình nhận dạng, đo lường đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của Kiểm toán Nội bộ.

Điều 80: Quyền hạn của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ.

1. Được trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) cần thiết.
2. Được chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
3. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác Kiểm toán Nội bộ.
4. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, các tài sản khi thực hiện Kiểm toán Nội bộ.
5. Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng An Bình về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.

6. Được tham dự và được nhận các biên bản họp của ban lãnh đạo có liên quan đến công việc của Kiểm toán Nội bộ.
7. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà Kiểm toán Nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.

Điều 81: Trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ.

1. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành, quy định của Điều lệ và của Quy chế nội bộ về Kiểm toán Nội bộ của Ngân hàng An Bình.
2. Chịu trách nhiệm trước Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị về kết quả công việc Kiểm toán Nội bộ; về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo Kiểm toán Nội bộ.
3. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau Kiểm toán Nội bộ của các đơn vị, bộ phận thuộc Ngân hàng An Bình.

Điều 82: Chế độ tài chính

1. Ngân hàng An Bình chấp hành chế độ tài chính theo qui định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc Ngân hàng An Bình chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng An Bình.

Điều 83: Sử dụng vốn

1. Ngân hàng An Bình được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo qui định của Pháp luật.
2. Ngân hàng An Bình được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo qui định của Pháp luật.
3. Ngân hàng An Bình được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 84: Các quỹ dự trữ

Ngân hàng An Bình được trích lập các quỹ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
2. Quỹ dự phòng tài chính;
3. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
4. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
5. Quỹ khen thưởng;
6. Quỹ phúc lợi.

Điều 85: Tự chủ về tài chính của Ngân hàng An Bình

Ngân hàng An Bình tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo qui định của Pháp luật.

Điều 86: Kế toán và Thuế

1. Ngân hàng An Bình thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo qui định của Pháp luật.
2. Năm tài chính của Ngân hàng An Bình bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
3. Ngân hàng An Bình sẽ lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Ngân hàng An Bình phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
4. Ngân hàng An Bình thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Ngân hàng Nhà nước qui định.

Điều 87: Kiểm tra, thanh tra Ngân hàng

Ngân hàng An Bình chịu sự kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

MỤC XVIII
BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO
RA CÔNG CHÚNG

Điều 88: Chế độ tài chính

Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính

Điều 89: Báo cáo tài chính

- a. Ngân hàng An Bình phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê lên các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc của Ngân hàng An Bình chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
- b. Báo cáo tài chính của Ngân hàng An Bình bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính và tình hình các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng cho đến thời điểm lập báo cáo.
- c. Trường hợp Ngân hàng An Bình có công ty trực thuộc thì phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.
- d. Ngân hàng An Bình phải lập và gửi các báo cáo định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, Ngân hàng phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước trong những trường hợp sau:
 - Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng An Bình;
 - Thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng An Bình.
- e. Các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng An Bình phải gửi Ngân hàng Nhà nước.

Điều 90: Kiểm tra, thanh tra

Ngân hàng An Bình chịu sự kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 91: Công bố và Thông báo

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và Ngân hàng Nhà nước cũng như phải được công bố trong vòng 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo qui định của Pháp luật.
2. Trong vòng 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng An Bình phải công khai báo cáo tài chính của mình theo qui định của Pháp luật.

MỤC XIX
KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 92: Kiểm toán

1. Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các báo cáo tài chính của mình theo quy định. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
2. Trong quá trình kiểm toán, Ngân hàng An Bình có trách nhiệm:
 - a. Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán;
 - b. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác phải họp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.
4. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật các Tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

MỤC XX

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 93: Báo cáo và Kiểm soát đặc biệt

1. Trong trường hợp Ngân hàng An Bình có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Ngân hàng An Bình phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.
2. Ngân hàng An Bình có thể bị Ngân hàng Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:
 - a. Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
 - b. Nợ không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán; hoặc
 - c. Tổng số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng số vốn điều lệ thực có và các quỹ dự trữ.
3. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, Ngân hàng An Bình có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Ngân hàng An Bình.

Điều 94: Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc Ngân hàng An Bình khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt

1. Xây dựng phương án củng cố tổ chức và hoạt động trình Ban Kiểm soát đặc biệt thông qua và tổ chức triển khai thực hiện phương án đó.
2. Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động và bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật trừ trường hợp bị đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát Ngân hàng An Bình.
3. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động Ngân hàng trước, trong và sau giai đoạn kiểm soát đặc biệt.
4. Chấp hành nghiêm túc các yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt.
5. Báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện các biện pháp kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt.
6. Thực hiện chế độ tiết giảm đến mức thấp nhất chi tiêu tài chính nhằm giảm bớt tổn thất về tài chính.
7. Bố trí địa điểm, phương tiện làm việc do Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 95: Kết thúc kiểm soát đặc biệt

1. Việc kiểm soát đặc biệt Ngân hàng An Bình được kết thúc trong trường hợp sau:
 - a. Hết hạn kiểm soát đặc biệt mà không được gia hạn hoặc Ngân hàng An Bình không có khả năng giải quyết được nguyên nhân dẫn đến tình trạng kiểm soát đặc biệt và Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi giấy phép hoạt động;

- b. Ngân hàng An Bình đã khắc phục được các nguyên nhân gây nên tình trạng kiểm soát đặc biệt và trở lại hoạt động bình thường;
 - c. Trước khi kết thúc thời hạn kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng An Bình được tổ chức lại theo các quy định của pháp luật;
 - d. Ngân hàng An Bình lâm vào tình trạng phá sản và không có khả năng phục hồi hoạt động, bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định kết thúc kiểm soát đặc biệt. Quyết định này được thông báo cho các cơ quan có liên quan.

Điều 96: Phá sản Ngân hàng An Bình

Việc phá sản Ngân hàng An Bình thực hiện theo qui định tại điều 98 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và Pháp luật về phá sản.

Điều 97: Giải thể Ngân hàng An Bình

Ngân hàng An Bình bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động Ngân hàng An Bình theo qui định của Pháp luật và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; trong trường hợp này, tối thiểu 180 (một trăm tám mươi) ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, Ngân hàng An Bình phải có đơn đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước.
2. Khi hết hạn hoạt động Ngân hàng An Bình không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng An Bình, trong các trường hợp sau:
 - a. Khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ khoản 1 Điều 29 Luật các Tổ chức tín dụng;
 - b. Khi không có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật các tổ chức tín dụng;
 - c. Ngừng hoạt động trong thời gian liên tục 12 (mười hai) tháng.

Điều 98: Thanh lý Ngân hàng An Bình

1. Trường hợp Ngân hàng An Bình bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Ngân hàng An Bình được thực hiện theo qui định của Luật Phá Sản Doanh nghiệp.
2. Khi giải thể theo điều 96 của Điều lệ này, Ngân hàng An Bình tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Ngân hàng An Bình chịu.

MỤC XXI
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 99: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng An Bình hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông và Ngân hàng An Bình; hoặc
 - b. Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.
2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 8 (tám) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án Kinh tế.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải.
4. Các chi phí của Tòa sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

MỤC XXII

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 100: Thông tin định kỳ

1. Ngân hàng An Bình thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Ngân hàng An Bình.
2. Ngân hàng An Bình được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động Ngân hàng An Bình và về khách hàng.
3. Ngân hàng An Bình có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Ngân hàng Nhà nước về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động Ngân hàng An Bình của những khách hàng có quan hệ với Ngân hàng An Bình.

Điều 101: Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của Ngân hàng An Bình và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Ngân hàng An Bình mà mình biết.
2. Ngân hàng An Bình được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng An Bình, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo qui định của Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

**MỤC XXIII
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 102: Ngày hiệu lực

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình
Chủ tịch HĐQT
Vũ Văn Tiền**